HỆ KHUNG TRẦN CHÌM
Concealed Ceiling System

MONO — KHUNG TRẦN CHÌM PHỔ THÔNG
Standard Concealed Ceiling System

PARA — KHUNG TRẦN CHÌM CAO CẤP 1 3 5
Advanced Concealed Ceiling System

PARA 1 | PARA 3 | PARA 5

BẢO HÀNH 1 NĂM | BẢO HÀNH 3 NĂM | BẢO HÀNH 5 NĂM

GAMMA — KHUNG TRẦN CHÌM CAO CẤP 2 6
Advance Concealed Ceiling System

GAMMA 2 | GAMMA 6

BẢO HÀNH 2 NĂM | BẢO HÀNH 6 NĂM

SUPER M-Bar — KHUNG TRẦN CHÌM CAO CẤP 8 10
Advance Concealed Ceiling System

SUPER 8 M-Bar | SUPER 10 M-Bar

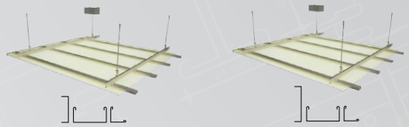

BẢO HÀNH 8 NĂM | BẢO HÀNH 10 NĂM

HỆ KHUNG TRẦN NỔI
Exposed Ceiling System

ALPHA — KHUNG TRẦN NỔI 3
Exposed Ceiling System

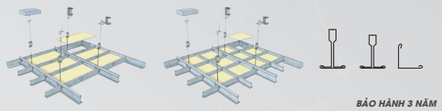

BẢO HÀNH 3 NĂM

MEGA — KHUNG TRẦN NỔI 5
Mega Exposed Ceiling System

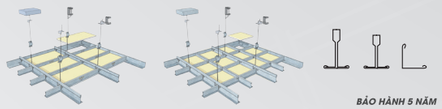

BẢO HÀNH 5 NĂM

OMEGA — KHUNG TRẦN NỔI SỌC ĐEN 5
Tee System with Black Reveal

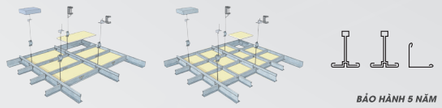

BẢO HÀNH 5 NĂM

HỆ KHUNG VÁCH
Drywall System

PARTI — KHUNG VÁCH NGĂN PHỔ THÔNG 1
Standard Drywall System

PARTI 64 - 76
Độ dày: 0.42 (mm)
Thickness: 0.42 (mm)

BẢO HÀNH 1 NĂM

PARTI PLUS — KHUNG VÁCH NGĂN CAO CẤP 3
Advanced Drywall System

PARTI PLUS 64 - 76 - 92 - 102
Độ dày: 0.50 (mm)
Thickness: 0.50 (mm)

BẢO HÀNH 3 NĂM

PARTI MAX — KHUNG VÁCH NGĂN CAO CẤP 5
Advanced Drywall System

PARTI MAX 64 - 76 - 92 - 102 - 127 - 152
Độ dày: 0.75 -> 1.15 (mm)
Thickness: 0.75 -> 1.15 (mm)

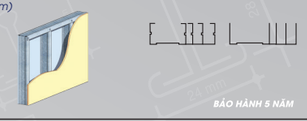

BẢO HÀNH 5 NĂM

TẤM TRẦN
Ceiling Board

GYPArt — TẤM THẠCH CAO MỸ THUẬT
GypArt Board

DOMINO — TRẦN KIM LOẠI
Metal Ceiling

PHỤ KIỆN AAA
Accessories

AAA — CỬA THĂM TRẦN
Access Panel

AAA — BĂNG KEO LƯỚI
Access Panel

D & S CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN **D&S**

Chất Lượng & **AN TOÀN**
Quality and Safety

NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHUNG TRẦN VÀ KHUNG VÁCH
MANUFACTURER OF CEILING AND DRYWALL STEEL FRAME

D & S CORPORATION

KHUNG VÁCH NGĂN CAO CẤP
PARTI MAX
PartiMAX Drywall System

64 -76 -92 -102 -127 -152

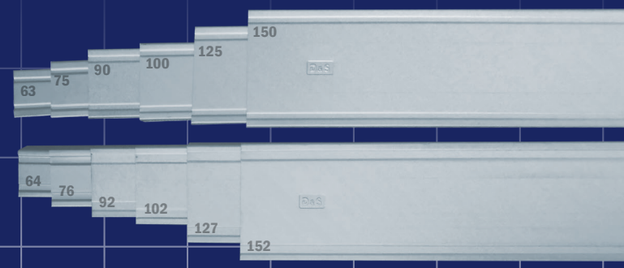

KHUNG VÁCH NGĂN CAO CẤP 64-76-92-102-127-152
Advanced Drywall System

PARTI MAX

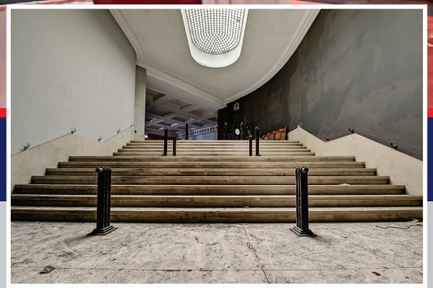

CHI TIẾT KỸ THUẬT / *DETAIL*

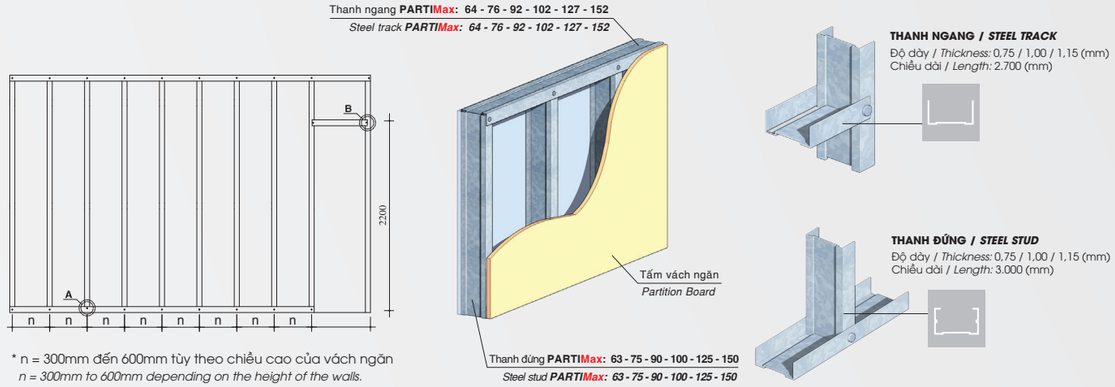

* n = 300mm đến 600mm tùy theo chiều cao của vách ngăn
n = 300mm to 600mm depending on the height of the walls.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / *SPECIFICATION*

HỆ KHUNG *STUD SYSTEM*		QUI CÁCH (mm) *STUD SIZE*	ĐỘ DÀY (mm) *STANDARD THICKNESS*			DUNG SAI *TOLERANCE*
U64	U63	35 X 63 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U64	32 X 64 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03
U76	U75	35 X 75 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U76	32 X 76 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03
U92	U90	35 X 90 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U92	32 X 92 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03
U102	U100	35 X 100 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U102	32 X 102 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03
U127	U125	35 X 125 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U127	32 X 127 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03
U152	U150	35 X 150 X 3000	0,75	1,00	1,15	± 0,03
	U152	32 X 152 X 2700	0,75	1,00	1,15	± 0,03

* **Chiều dài:** Có thể sản xuất theo yêu cầu.
Length: *Customized upon request.*
Độ dày: Có thể đặt hàng từ 0,6mm đến 1,2mm.
Material Thickness: *0.6mm to 1.2mm can be customized (minimum order requiled).*

SGS
Chứng nhận được cấp bởi:
Tập đoàn SGS - Thụy Sỹ
Certified by: SGS Group - Switzerland

ASTM INTERNATIONAL
Standards Worldwide
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn
ASTM (Hoa Kỳ)
ASTM Standards (USA)

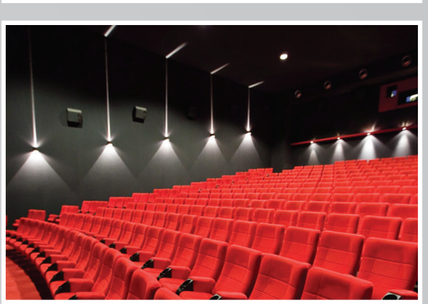

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT

Bước 1: Định vị vách ngăn trên sàn bê tông.
Bước 2: Lắp thanh ngang theo định vị bằng tắc kê sắt.
Bước 3: Đặt thanh đứng vuông góc với thanh ngang, khoảng cách 600mm.
Bước 4: Lắp tấm vào khung theo chiều song song với thanh đứng. Khoảng cách vít ở biên tấm vách là ≤ 200mm và giữa tấm vách là ≤ 300mm.
Bước 5: Dán băng keo lưới toàn bộ mối nối tấm vách ngăn.

INSTALLATION GUIDE

Step 1: *Determine the position of partitions on the floor.*
Step 2: *Fasten the steel tracks at the determined position by expansion bolts.*
Step 3: *Install the steel studs vertically, spacing 600mm.*
Step 4: *Fix boards vertically onto frame.*
The spacing between screws at the borders ≤ 200mm; in the middle ≤ 300 mm
Step 5: *All joints to be applied with fiberglass tapes.*